TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 537/2020/HC-PT
Ngày 15/9/2020
V/v: Khiếu kiện hành vi không giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

- *Thư ký phiên toà:* Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 275/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc "Khiếu kiện hành vi không giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1122/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số 120/76 Tổ 5A, H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quản Đức N (Quản Thanh T), sinh năm 1955 (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2017)

Địa chỉ: Số 69A, đường số 4, khu phố 3, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Anh D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (văn bản ủy quyền ngày 16/11/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Chí K.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Tấn L là cha ruột của bà Nguyễn Thị Huỳnh N bị Nhà nước tịch thu nhà và đất theo Quyết định số 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ). Năm 1986 ông Nguyễn Tấn L có làm đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ khiếu nại và xin lại tài sản. Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ có chủ trương giải quyết trả lại nhà và đất cho ông L nhưng phần nhà đất của ông L đã được tạm giao cho ông Võ Hùng V. Vì vậy, ông Võ Hùng V buộc ông L giao 05 lượng vàng thì mới giao lại nhà và đất. Năm 2004, bà N thừa kế quyền khiếu nại của cha bà là Nguyễn Tấn L khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo luật định mà chỉ ban hành Công văn số 823/UBND-NCPC ngày 26/12/2013 và văn bản 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016. Nội dung giải quyết khiếu nại không đúng quy trình, ý chí của người khiếu nại, không đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Công văn số 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc rà soát đơn khiếu nại và xem xét hủy Quyết định có liên quan là Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc tịch thu toàn bộ tài sản, nhà và đất của ông Nguyễn Tấn L.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có văn bản trình bày ý kiến:

Ngày 01/4/2016 bà Nguyễn Thị Huỳnh N có gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C khiếu nại Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ trong đó có việc thu hồi tài sản của ông Nguyễn Tấn L. Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013, Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có Công văn số 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016 có nội dung không xem xét giải quyết đơn khiếu nại của bà N là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C vẫn giữ nguyên nội dung Công văn số 1288/VPUB – NC ngày 26/5/2016 nêu trên.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30 và Điều 32, Khoản 1 Điều 158, Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Khoản 1

Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N về việc yêu cầu hủy toàn bộ Công văn số 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thông báo kết quả kiểm tra đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N và bác yêu cầu xem xét hủy Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/4/2018, bà Nguyễn Thị Huỳnh N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu hủy toàn bộ Công văn số 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thông báo kết quả kiểm tra đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N và hủy Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án, chấp nhận đơn khởi kiện của bà N hủy toàn bộ Công văn số 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và hủy Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ. Bởi lẽ, theo Quyết định 111/CP ngày 14/4/1977 thì ông L không thuộc diện bị tịch thu toàn bộ tài sản, nhà đất. Việc ủy ban lấy tài sản của ông L để phân phối cho ông Võ Hùng V – Bí thư huyện ủy Ô Môn là sai đối tượng và không đúng thẩm quyền. Mặt khác, thực tế gia đình bà N và 7 người con không có nhà ở phải đi bán vé số nên hiện tại vợ chồng bà N đã sang Mỹ ở với người bà con xa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tranh luận: Giữ nguyên quan điểm tại văn bản 2205 ngày 6/7/2018 đã gửi cho tòa án. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: biểu: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm người bị kiện có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Công văn số 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thông báo kết quả kiểm tra đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N (gọi tắt là Công văn số 1288).

Về thẩm quyền ban hành: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C nên Công văn 1288/VPUB – NC ngày 26/5/2016 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành là đúng thẩm quyền.

Về hình thức ban hành: Ngày 01/4/2016 bà Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn khiếu nại Quyết định số 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ đáng ra nếu cho rằng khiếu nại của bà N thuộc các trường hợp không được thụ lý giải quyết theo Điều 11 Luật giải quyết khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại hoặc thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại thì phải ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cho bà N nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C lại ban hành Công văn thông báo kết quả kiểm tra đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N là chưa đúng hình thức. Tuy nhiên, xét thấy về bản chất vẫn là không xem xét giải quyết khiếu nại nên cũng không ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của bà N.

Về trình tự thủ tục ban hành: Khi nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có Công văn 1556/UBND-BTCD ngày 26/4/2016 giao Thanh tra thành phố Cần Thơ xác minh nội dung khiếu nại của bà N. Trên cơ sở Báo cáo số 471/BC-TTr ngày 20/5/2016 của Thanh tra thành phố Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Công văn số 1288 thông báo không xem xét giải quyết khiếu nại của bà N là đúng trình tự thủ tục.

[2.2] Về hành vi không xem xét giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N:

Ông L thuộc trường hợp cần phải tịch thu ruộng đất theo mục 2 Phần I Quyết định số 188/QĐ ngày 25/9/1976 của Hội đồng Chính phủ về chính sách ruộng đất sau ngày thống nhất nên Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ về việc tịch thu toàn bộ đất đai, tài sản của ông Nguyễn Tấn L. Việc bà N cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ đã có chủ trương giải quyết trả lại nhà và đất cho ông L và đã có quyết định đề ngày 20/02/1993 do ông Trần Oanh Liệt ký nhưng bà N không cung cấp chứng cứ này nên lời trình bày của bà N là

không có cơ sở. Đối với trình bày của bà N cho rằng ông Võ Hùng V đã chiếm hữu tài sản của ông Nguyễn Tấn L là không phù hợp. Bởi lẽ, sau khi tịch thu ruộng đất của ông Nguyễn Tấn L thì Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn cũ tạm giao đất của ông L cho ông Võ Hùng V để cất nhà theo Quyết định số 64/QĐ.UBH.79 ngày 02/02/1979.

Mặt khác, theo Khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định : "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* Và Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003, quy định "*Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất*". Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Công văn số 1288 có nội dung không xem xét giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng đến nay chưa nhận được quyết định 301 tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà N đều thừa nhận có biết đến Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ban hành ngày 20/4/1978 và năm 1986 cha bà có đơn khiếu nại để xin trả lại tài sản (nhưng không còn lưu giữ các giấy tờ khiếu nại). Như vậy, tính đến ngày bà N có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ngày 01/4/2016 cũng đã hết thời hiệu khiếu nại theo Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C không xem xét giải quyết khiếu nại cho bà N cũng là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh N; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Khoản 1 Điều 30 và Điều 32, Khoản 1 Điều 158, Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991;

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N về việc yêu cầu hủy toàn bộ Công văn số 1288/VPUB-NC ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thông báo kết quả kiểm tra đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Huỳnh N và bác yêu cầu xem xét hủy Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định 301/QĐ-UBT.78 ngày 20/4/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 001141 ngày 27/4/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ, bà N đã nộp đủ án phí.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP Cần Thơ
- VKSND tỉnh TP Cần Thơ;
- Cục THADS TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP. (16)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huyền Vân